

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-HCSN

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2021

Về việc đóng góp ý kiến vào dự thảo tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính gửi: - Các Sở: Nông nghiệp và PTNT; Công thương; Khoa học và công nghệ; Tài nguyên và MT;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 353/2016/QĐ-UBND ngày 20/06/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định biện pháp thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Sở Tài chính xây dựng Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Chương II Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tài chính đề nghị các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tham gia đóng góp ý kiến vào Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết. Văn bản tham gia đóng góp ý kiến đề nghị gửi về Sở Tài chính trước ngày 03/5/2021 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Vậy, Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- GD, PGD (đ/c Linh);
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thuỳ Linh

Số: /TTr-STC

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2021

DƯ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Chương II Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Chương II Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 7/12/2018, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Trong quá trình triển khai thực hiện phát sinh một số nội dung không phù hợp như: mức hỗ trợ tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định thấp hơn rất nhiều so với giá thuê thực tế của các hợp tác xã, vì thế không khuyến khích được các hợp tác xã; Quy định điều kiện hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm còn khó thực hiện. Để khuyến khích, hỗ trợ các hợp tác xã tích tụ đất đai, phát triển sản xuất, cần thiết phải sửa đổi quy định theo hướng nâng mức hỗ trợ cho phù hợp đồng thời sửa đổi điều kiện hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm.

Như vậy, việc đề nghị xây dựng Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Chương II Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết, phù hợp với điều kiện thực tế.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết được xây dựng nhằm kịp thời sửa đổi những quy định chưa phù hợp. Đảm bảo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL theo quy định.

III. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Nội dung:

Nghị quyết bao gồm 2 điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Chương II Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Hợp tác xã nông nghiệp có dự án nông nghiệp thuộc danh mục khuyến khích đầu tư (tại phụ lục ban hành kèm theo quy định này) thuê lại đất nông nghiệp, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích thuê tối thiểu từ 10 hecta tập trung theo vùng để sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi đi vào hoạt động; giá thuê đất, thuê đất có mặt nước theo giá thuê thực tế theo năm nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hecta/năm.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 như sau:

“a) Hợp tác xã nông nghiệp có các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm hoặc sản phẩm nông sản thuộc Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.”

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Cơ sở đề xuất:

- Đối với khoản 1:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Chương II Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của HĐND tỉnh quy định các hợp tác xã được hỗ trợ 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 5 năm đầu tiên kể từ khi đi vào hoạt động, giá thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của UBND tỉnh.

Theo quy định tại Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh ban hành bảng giá đất giai đoạn 2020-2024, giá đất nông nghiệp từ 50.000đ/m² đến 60.000đ/m² và tỷ lệ % để xác định đơn giá thuê đất một năm, trả tiền thuê đất hàng năm (theo quy định tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh) là 0,5%.

Số tiền thuê đất được hỗ trợ (10 hecta) theo quy định là:

$$\text{Số tiền hỗ trợ 1 năm} = 100.000\text{m}^2 \times 50.000\text{đ/m}^2 \times 0,5\% \times 20\% = 5.000.000\text{đ}$$

Trong khi đó, các hợp tác xã thực tế đang thuê đất với giá bình quân 1 triệu đồng/1 sào, tương đương 227 triệu đồng/10ha/1 năm. Như vậy, số tiền hỗ trợ theo Nghị quyết rất thấp không khuyến khích được các hợp tác xã.

Vì vậy, đề nghị sửa đổi theo hướng hỗ trợ tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước theo giá thuê thực tế và không chế mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ha/năm. Như vậy, số kinh phí hỗ trợ tối đa cho 10 ha là 100 triệu đồng/năm (bằng khoảng 35% số tiền thuê bình quân thực tế các hợp tác xã thuê đất).

- Đối với khoản 2:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 quy định: “Hợp tác xã nông nghiệp có các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm và sản phẩm nông sản thuộc Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030” như vậy được hiểu là hợp tác xã phải đồng thời đáp ứng được hai điều kiện trên, gây khó khăn cho các hợp tác xã trong việc đăng ký hỗ trợ, đề nghị điều chỉnh điều kiện hỗ trợ là hợp tác xã đáp ứng được một trong hai điều kiện trên.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Khi sửa đổi nghị quyết sẽ làm tăng số lượng các hợp tác xã được tiếp cận chính sách hỗ trợ do các điều kiện được sửa đổi theo hướng dễ tiếp cận. Vì vậy, dự kiến kinh phí tăng thêm khoảng 4,4 tỷ đồng.

(Có biểu dự kiến kinh phí kèm theo)

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Thời gian dự kiến trình UBND tỉnh tại kỳ họp tháng 6/2021.

Thời gian dự kiến trình HĐND tỉnh tại kỳ họp tháng 7/2021.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Chương II Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở;
- Lưu VT./.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thuỳ Linh

BẢN THUYẾT MINH

1. Căn cứ ban hành nghị quyết:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

2. Nội dung chính của nghị quyết

a. Nội dung:

Nghị quyết bao gồm 2 điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Chương II Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Hợp tác xã nông nghiệp có dự án nông nghiệp thuộc danh mục khuyến khích đầu tư (tài phụ lục ban hành kèm theo quy định này) thuê lại đất nông nghiệp, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích thuê tối thiểu từ 10 hecta tập trung theo vùng để sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi đi vào hoạt động; giá thuê đất, thuê đất có mặt nước theo giá thuê thực tế theo năm nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hecta/năm.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 như sau:

“a) Hợp tác xã nông nghiệp có các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm hoặc sản phẩm nông sản thuộc Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.”

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

b. Cơ sở đề xuất:

- Đối với khoản 1:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Chương II Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số

24/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của HĐND tỉnh quy định các hợp tác xã được hỗ trợ 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 5 năm đầu tiên kể từ khi đi vào hoạt động, giá thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của UBND tỉnh.

Theo quy định tại Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh ban hành bảng giá đất giai đoạn 2020-2024, giá đất nông nghiệp từ 50.000đ/m² đến 60.000đ/m² và tỷ lệ % để xác định đơn giá thuê đất một năm, trả tiền thuê đất hàng năm (theo quy định tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh) là 0,5%.

Số tiền thuê đất được hỗ trợ (10 hécta) theo quy định là:

$$\text{Số tiền hỗ trợ 1 năm} = 100.000\text{m}^2 \times 50.000\text{đ/m}^2 \times 0,5\% \times 20\% = 5.000.000\text{đ}$$

Trong khi đó, các hợp tác xã thực tế đang thuê đất với giá bình quân 1 triệu đồng/1 sào, tương đương 227 triệu đồng/10ha/1 năm. Như vậy, số tiền hỗ trợ theo Nghị quyết rất thấp không khuyến khích được các hợp tác xã.

Vì vậy, đề nghị sửa đổi theo hướng hỗ trợ tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước theo giá thuê thực tế và khống chế mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ha/năm. Như vậy, số kinh phí hỗ trợ tối đa cho 10 ha là 100 triệu đồng/năm (bằng khoảng 35% số tiền thuê bình quân thực tế các hợp tác xã thuê đất).

- Đối với khoản 2:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 quy định: “Hợp tác xã nông nghiệp có các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm và sản phẩm nông sản thuộc Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030” như vậy được hiểu là hợp tác xã phải đồng thời đáp ứng được hai điều kiện trên, gây khó khăn cho các hợp tác xã trong việc đăng ký hỗ trợ, đề nghị điều chỉnh điều kiện hỗ trợ là hợp tác xã đáp ứng được một trong hai điều kiện trên.

3. Dự kiến nguồn lực:

Khi sửa đổi nghị quyết sẽ làm tăng số lượng các hợp tác xã được tiếp cận chính sách hỗ trợ do các điều kiện được sửa đổi theo hướng dễ tiếp cận. Vì vậy, dự kiến kinh phí tăng thêm khoảng 4,4 tỷ đồng.

(Có biểu dự kiến kinh phí kèm theo)

4. Thời gian dự kiến trình thông qua nghị quyết

Thời gian dự kiến trình UBND tỉnh tại kỳ họp tháng 6/2021.

Thời gian dự kiến trình HĐND tỉnh tại kỳ họp tháng 7/2021.

Số: /2021/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng 07 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Chương II Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo thẩm tra số /BC- HĐND ngày tháng 6 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Chương II Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Hợp tác xã nông nghiệp có dự án nông nghiệp thuộc danh mục khuyến khích đầu tư (tài phụ lục ban hành kèm theo quy định này) thuê lại đất nông nghiệp, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích thuê tối thiểu từ 10 hecta tập trung theo vùng để sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi đi vào hoạt động; giá thuê đất,

thuê đất có mặt nước theo giá thuê thực tế theo năm nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hecta/năm.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 như sau:

“a) Hợp tác xã nông nghiệp có các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm hoặc sản phẩm nông sản thuộc Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.”

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XVIII, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 07 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT.HU, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Thái

SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI

STT	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND	Dự thảo sửa đổi
	<p>1. Hợp tác xã nông nghiệp có dự án nông nghiệp thuộc danh mục khuyến khích đầu tư (tại phụ lục ban hành kèm theo quy định này) thuê lại đất nông nghiệp, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích thuê tối thiểu từ 10 hecta tập trung theo vùng để sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ kinh phí tương ứng 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi đi vào hoạt động; giá thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	<p>“1. Hợp tác xã nông nghiệp có dự án nông nghiệp thuộc danh mục khuyến khích đầu tư (tại phụ lục ban hành kèm theo quy định này) thuê lại đất nông nghiệp, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích thuê tối thiểu từ 10 hecta tập trung theo vùng để sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi đi vào hoạt động; giá thuê đất, thuê đất có mặt nước theo giá thuê thực tế theo năm nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hecta/năm.”</p>
	<p>a) Hợp tác xã nông nghiệp có các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm và sản phẩm nông sản thuộc Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.”</p>	<p>a) Hợp tác xã nông nghiệp có các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm hoặc sản phẩm nông sản thuộc Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.”</p>

NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HTX NÔNG NGHIỆP

Đơn vị: đồng.

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Cơ sở tính	Dự kiến đối tượng thụ hưởng	Kinh phí dự kiến 1 năm	Ghi chú
1	Hỗ trợ tập trung đất đai	10.000.000đ/ha/năm	Trong tổng số 546 HTX nông nghiệp có 200 HTX dùng nước không có nhu cầu tích tụ đất đai, còn lại là 346 HTX. Dự kiến khoảng 10% số HTX thực hiện thuê đất, mặt nước	346	3.460.000.000	
2	Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì, nhãn mác sản phẩm	Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng nhãn hiệu tập thể, tối đa không quá 20 triệu	Dự kiến mỗi năm xây dựng 10 nhãn hiệu tập thể	10 nhãn hiệu	200.000.000	
		Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế mới hoặc nâng cấp mẫu bao bì sản phẩm, tối đa không quá 200 triệu đồng	Dự kiến mỗi năm hỗ trợ được 10 HTX (mức bình quân 50 triệu đồng/HTX)	10 HTX	500.000.000	
		Hỗ trợ 50% tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm được cấp nhãn hiệu tập thể (mức bình quân 10 triệu đồng/sản phẩm)	25	250.000.000	
	Tổng cộng:				4.410.000.000	

